

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94 /2022/HNGĐ- ST

Ngày: 30 - 9- 2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Ân; bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh TH tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:80/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **H Thị D** - Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn PT, xã TH, huyện TT - TH.

- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Văn H** - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn PT, xã TH, huyện TT - TH.

Tại phiên toà có mặt chị D. Anh H vắng mặt lần thứ 2 (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị H Thị D trình bày: Chị H Thị D và anh Trịnh Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 11/01/2019 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã CP, huyện CT, tỉnh TH. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vì bất đồng nhiều quan điểm sống, anh H không tu chí lao động, mặt khác là do sau ngày cưới đã hơn hai năm

nhưng vợ chồng vẫn chưa có con, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị D đã về xã CP sinh sống gần một năm nay. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị D yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Trịnh Văn H để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56 và 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị H Thị D được ly hôn anh Trịnh Văn H.

- Về án phí: Chị H Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Trịnh Văn H. Anh H có nơi cư trú tại huyện TT, tỉnh TH. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh TH, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh H vắng mặt không có lý do, tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh H và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải nhưng anh H đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Trịnh Văn H cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh Trịnh Văn H.

[2] Về hôn nhân: Chị H Thị D và anh Trịnh Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CP, huyện CT, tỉnh Thanh Hoá và không vi

phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là chưa có con chung và do anh H không tu chí lao động, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị D đã về xã CP sinh sống gần một năm nay. Điều này chứng tỏ tình cảm giữa chị D và anh H không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh H là có cơ sở, nên yêu cầu xin ly hôn của chị D được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh H chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị H Thị D được ly hôn anh Trịnh Văn H.
2. Về án phí: Chị H Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2021/0007675 ngày 22/6/2022. Chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H Thị D, vắng mặt anh Trịnh Văn H. Chị D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã CP, huyện CT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Ân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã CP, huyện CT;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Ân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Thạch Định;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lưu Đình Tâm

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Tòa án ND tỉnh TH;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã Thành Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn